

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 10 năm 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch
2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Hằng – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX- ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thảo T, sinh năm 1981- (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Hoàng Việt T, sinh năm 1978 - (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Bùi Thảo T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/7/2004. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng

không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Sự việc trên xảy ra liên tục từ nhiều năm nay, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 2 năm 2018. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị Bùi Thảo T có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Hoàng Việt T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T có 03 người con chung.

1. Cháu Hoàng Gia B; sinh ngày 13/01/2005.
2. Cháu Hoàng Thiên N; sinh ngày 21/4/2009.
3. Cháu Hoàng Gia A; sinh ngày 06/3/2013.

Nguyện vọng của chị Bùi Thảo T xin nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh Hoàng Việt T cấp dưỡng nuôi con 3.300.000đ/cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2018 tại nhà anh Hoàng Việt T, bị đơn anh Hoàng Việt T trình bày:*

Anh Hoàng Việt T và chị Bùi Thảo T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/7/2004, nguyên nhân dẫn đến chị T làm đơn xin ly hôn với anh là do: Vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên thỉnh thoảng vợ chồng lại cãi vã nhau. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, do vậy anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Bùi Thảo T, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị T.

Về con chung: Anh Hoàng Việt T có nguyện vọng xin được nuôi cả ba con chung là cháu Hoàng Gia B; sinh ngày 13/01/2005; cháu Hoàng Thiên N; sinh năm 21/4/2009 và cháu Hoàng Gia A; sinh ngày 06/3/2013.

Nếu được nuôi con thì anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Việt T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thảo T giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Hoàng Việt T, về con chung chị T xin nuôi cả ba con chung là cháu Hoàng Gia B; sinh ngày 13/01/2005; cháu Hoàng Thiên N; sinh năm 21/4/2009 và cháu Hoàng Gia A; sinh ngày 06/3/2013. Yêu cầu anh Hoàng Việt T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.300.000đ/tháng/1 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ quy định trong BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B; sinh ngày 13/01/2005 cho anh Hoàng Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Thiên N; sinh năm 21/4/2009 và cháu Hoàng Gia A; sinh ngày 06/3/2013 cho chị Bùi Thảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N và cháu A tròn 18 tuổi. Buộc anh Hoàng Việt T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Gia A, mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Bùi Thảo T đề ngày 08/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Bùi Thảo T làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Hoàng Việt T cư trú tại tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh Hoàng Việt T không tham gia tố tụng cũng

như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Hoàng Việt T vắng mặt, nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hoàng Việt T. Tại phiên tòa hôm nay anh Hoàng Việt T vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt anh Hoàng Việt T là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Mặc dù trong biên bản xác minh ngày 14/8/2018 Chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T với lý do là chị T và anh T không khai báo. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 05/7/2018, của nguyên đơn chị Bùi Thảo T (BL55), biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2018 (BL 56) của anh Hoàng Việt T, thì chị T và anh T đều thừa nhận: Sau khi cưới được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu sống ly thân, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị T và anh T đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Việc chị T và anh T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T có 3 con chung là cháu Hoàng Gia B; sinh ngày 13/01/2005, cháu Hoàng Thiên N; sinh năm 21/4/2009 và cháu Hoàng Gia A; sinh ngày 06/3/2013. Chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T đều có nguyện vọng, sau khi ly hôn xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào bản tự khai ngày 27/8/2018 cháu Hoàng Gia B có nguyện vọng xin được ở với bố là anh Hoàng Việt T, còn cháu Hoàng Thiên N có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Bùi Thảo T. HĐXX thấy rằng hiện tại chị T là giáo viên, còn anh T đang công tác tại Chi nhánh điện lực E. Như vậy, cả chị T và anh T đều có thu nhập ổn định,

có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo mọi mặt cho các cháu, hiện nay cháu B có nguyện vọng ở với bố, còn cháu N có nguyện vọng xin được ở với mẹ, riêng đối với cháu Hoàng Gia A sinh ngày 06/3/2013 hiện nay đang sống với chị T, bản thân cháu A đang còn nhỏ, cháu cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Hoàng Gia B cho anh Hoàng Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu B tròn 18 tuổi, giao cháu Hoàng Thiên N và cháu Hoàng Gia A cho chị Bùi Thảo T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc các cháu tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Việt T và chị Bùi Thảo T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Bùi Thảo T yêu cầu anh Hoàng Việt T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.300.000 đồng/1 tháng/1 cháu. HĐXX xét thấy hiện nay anh T có thu nhập ổn định, Tòa án giao cháu B cho anh T nuôi, giao cháu N và cháu A cho chị T nuôi dưỡng, nên chỉ cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi một mình cháu Hoàng Gia A 2.000.000 đồng/1 tháng, cho tới lúc cháu A tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T đều không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B; sinh ngày 13/01/2005 cho anh Hoàng Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi.

Giao cháu Hoàng Thiên N; sinh ngày 21/4/2009 và cháu Hoàng Gia A; sinh ngày 06/3/2013 cho chị Bùi Thảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N và cháu A tròn 18 tuổi.

Chị Bùi Thảo T và anh Hoàng Việt T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc anh Hoàng Việt T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Hoàng Gia A, sinh ngày 06/3/2013 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Hoàng Gia A tròn 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thảo T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thảo T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005152 ngày 15/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Hoàng Việt T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Nguyên đơn chị Bùi Thảo T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Hoàng Việt T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND TT. P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Anh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CHU ANH HÙNG

Quá trình tố tụng Tòa án có mời các cháu đến lấy ý kiến, nguyện vọng của

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa